

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ NGÀNH: 9340101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 774/QĐ-NTT ngày 26 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Việt: **Quản trị Kinh doanh**

+ Tên tiếng Anh: **Business Administration**

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ – Bậc 8

Khóa học áp dụng: từ năm 2023

Thời gian đào tạo: 3 năm đối với người tốt nghiệp Thạc sĩ (90 tín chỉ), 4 năm đối với người tốt nghiệp Đại học loại giỏi (128 tín chỉ)

Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ Quản trị kinh doanh

+ Tên tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Business Administration

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa: Quản trị kinh doanh

+ Địa chỉ văn phòng: Cơ sở 331A quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, quận 12, TP Hồ Chí Minh

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 - 429

2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;
- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công

tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có Phiếu đăng kí dự xét tuyển nghiên cứu sinh, một dự thảo/bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn Nhà trường; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

- Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng kí theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Hiệu trưởng quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Nhà trường (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

3. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (viết tắt là: PLOs)

Tiến sĩ Quản trị kinh doanh		
Sau khi hoàn tất chương trình, người học tốt nghiệp có thể:		
<u>Kiến thức</u>		
PLO1	Vận dụng kiến thức tiên tiến, thế giới quan và phương pháp luận khoa học nhằm giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực QTKD.	PPC1.1. Vận dụng kiến thức tiên tiến, thế giới quan và phương pháp luận khoa học nhằm giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực QTKD.
PLO2	Tích hợp các kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, liên ngành và xu thế mới trong lĩnh vực QTKD để quản trị, tư vấn tổ chức, doanh nghiệp.	PPC2.1. Hệ thống hóa kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, liên ngành để quản trị, tư vấn tổ chức, doanh nghiệp. PPC2.2. Vận dụng kiến thức về các xu thế mới trong lĩnh vực QTKD để quản

		trị, tư vấn tổ chức, doanh nghiệp.
PLO3	Phát triển các ý tưởng, nguyên lý, học thuyết, mô hình, quá trình mới thuộc lĩnh vực QTKD.	PPC3.1. Phát triển các ý tưởng, mô hình, quá trình mới thuộc lĩnh vực QTKD PPC3.2. Xây dựng các nguyên lý, học thuyết mới thuộc lĩnh vực QTKD.
Kỹ năng		
PLO4	Áp dụng linh hoạt các lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực QTKD toàn cầu.	PPC4.1. Kết hợp các lý thuyết, phương pháp khoa học vào đề án nghiên cứu trong lĩnh vực QTKD. PPC4.2. Kết hợp các lý thuyết, phương pháp khoa học vào quá trình phát triển ý tưởng, thiết kế sản phẩm dịch vụ trong môi trường toàn cầu.
PLO5	Phát triển kỹ năng suy luận, phản biện, và ra quyết định để giải quyết các vấn đề trong môi trường biến động một cách sáng tạo.	PPC5.1. Phân tích, tổng hợp, khái quát hóa thông tin trong môi trường luôn biến động PPC5.2. Suy luận, phản biện, và ra quyết định để giải quyết các vấn đề một cách sáng tạo.
PLO6	Phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực QTKD trong nước và quốc tế.	PPC6.1. Phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học trong nước. PPC6.2. Công bố quốc tế kết quả nghiên cứu, đề tài trong lĩnh vực QTKD.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO7	Hành động trung thực, tự tin, phát triển bền vững, trách nhiệm với xã hội, quyết đoán trong quản lý và liêm chính trong học thuật.	PPC7.1. Thể hiện sự trung thực, tự tin, quyết đoán và có trách nhiệm PPC.7.2. Thể hiện sự liêm chính học thuật.
PLO8	Thể hiện tính thích ứng, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong hoạt động học tập, nghiên cứu và các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực QTKD; ý thức học tập suốt đời.	PPC8.1. Thích ứng, chủ động học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn. PPC8.2. Hướng dẫn người khác trong học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn.

4. Các điều kiện bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn (cấp khoa)

- Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

- Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;
- Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;
- Yêu cầu trên đây có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

5. Các điều kiện bảo vệ luận án cấp trường

- Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức, có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;
- Đạt quy trình phản biện độc lập;
- Tuân thủ quy định của Nhà trường về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác có liên quan và của pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- Hoàn thành học phí, lệ phí theo quy định;
- Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

6. Các điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng Tiến sĩ

Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

- Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường đồng ý thông qua;
- Nghiên cứu sinh đã nộp cho Nhà trường (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có) trong thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ luận án thành công;
- Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Nhà trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Nhà trường.

7. Thang điểm

Điểm học phần được tính dựa vào Quy chế về Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành kèm theo quyết định số 1168/QĐ-NTT ngày 28 tháng 08 năm 2022 của trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Một vài năm sau khi tốt nghiệp, người học tốt nghiệp có thể:

Sau khi tốt nghiệp, người học tốt nghiệp có thể:

- **PEO1:** Tư vấn hoặc trực tiếp tham gia vào công tác quản trị, quản lý cấp cao cho các tổ chức, doanh nghiệp; Giải quyết các vấn đề hiện hữu tại các tổ chức, doanh nghiệp; Xây dựng chiến lược ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn cho các tổ chức, doanh nghiệp.
- **PEO2:** Xác định, phân tích các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh thuộc vi trong nước và quốc tế có ảnh hưởng đến tổ chức, doanh nghiệp; Thực hiện nghiên cứu khoa học để đề xuất, sáng tạo các ý tưởng, nguyên lý, học thuyết, mô hình, quá trình nhằm giải quyết các vấn đề đã được xác định; Công bố kết quả nghiên cứu, sáng tạo ra đại chúng.
- **PEO3:** Tuân thủ các quy định của pháp luật, các nguyên tắc trong đạo đức kinh doanh, và các yêu cầu về tính liêm chính trong học thuật; Đưa ra các quyết định đảm bảo cho sự phát triển bền vững của tổ chức, doanh nghiệp trong khi vẫn hoàn thành các trách nhiệm đối với xã hội;
- **PEO4:** Thích ứng với môi trường kinh doanh luôn thay đổi và hội nhập; Học tập suốt đời; Huấn luyện và truyền cảm hứng cho người khác.

Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PEO1	X	X			X			
PEO2			X	X	X	X		
PEO3							X	X
PEO4				X	X	X		X

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn;

So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ Tiến sĩ (bậc 8).

Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các bên liên quan về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của Người học tốt nghiệp.

Xây dựng Mục tiêu, Chuẩn Đầu ra của Chương trình đào tạo;

Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực người học tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình

Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo, xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế.

Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để người học đạt được các kết quả học tập mong đợi.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực

CÁC NĂNG LỰC CHỦ YẾU CỦA NCS TN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng	TC	Tỉ lệ
NGHIÊN CỨU	Thiết kế và phân tích nghiên cứu (2 tín	7 môn	86 tín	95%

KHOA HỌC	chỉ)		chỉ	
	Phân tích định lượng trong kinh doanh (2 tín chỉ)			
	Phương pháp NC định tính trong kinh doanh (2 tín chỉ)			
	Tiểu luận tổng quan lý thuyết (6 tín chỉ)			
	Luận án (70 tín chỉ)			
	Chuyên đề 1 (2 tín chỉ)			
	Chuyên đề 2 (2 tín chỉ)			
GIẢNG DẠY	Thiết kế và phân tích nghiên cứu (2 tín chỉ)	7 môn	86 tín chỉ	95%
	Phân tích định lượng trong kinh doanh (2 tín chỉ)			
	Phương pháp NC định tính trong kinh doanh (2 tín chỉ)			
	Luận án (70 tín chỉ)			
TƯ VẤN/ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	Quản trị chiến lược toàn cầu (2 tín chỉ)	4 môn	8 tín chỉ	9%
	Marketing đương đại (2 tín chỉ)			
	Hành vi tổ chức (2 tín chỉ)			
	Kinh doanh số (2 tín chỉ)			
LÃNH ĐẠO CÁC TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	Hành vi tổ chức (2 tín chỉ)	4 môn	8 tín chỉ	9%
	Quản trị chiến lược toàn cầu (2 tín chỉ)			
	Marketing đương đại (2 tín chỉ)			
	Phân tích định lượng trong kinh doanh (2 tín chỉ)			
NĂNG LỰC XÂY DỰNG QUAN HỆ NGƯỜI VÀ NGƯỜI	Hành vi tổ chức (2 tín chỉ)	4 môn	76 tín chỉ	85%
	Quản trị chiến lược toàn cầu (2 tín chỉ)			
	Kinh doanh số (2 tín chỉ)			
	Luận án (70 tín chỉ)			
NĂNG LỰC CÁ NHÂN	Luận án (70 tín chỉ)	5 môn	86 tín chỉ	95%
	Quản trị chiến lược toàn cầu (2 tín chỉ)			
	Marketing đương đại (2 tín chỉ)			
	Hành vi tổ chức (2 tín chỉ)			
	Kinh doanh số (2 tín chỉ)			
THÁI ĐỘ - TÁC PHONG	Luận án (70 tín chỉ)	4 môn	76 tín chỉ	85%
	Chuyên đề 1 (2 tín chỉ)			
	Chuyên đề 2 (2 tín chỉ)			
	Hành vi tổ chức (2 tín chỉ)			
PHẨM CHẤT	Luận án (70 tín chỉ)	4 môn	8 tín chỉ	85%
	Chuyên đề 1 (2 tín chỉ)			
	Chuyên đề 2 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế và Phân tích nghiên cứu (2 tín chỉ)			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 90 tín chỉ

Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	10	11%
Nghiên cứu khoa học	10	11%
Luận án tiến sĩ	70	78%

4. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh

a) Đối với học viên có bằng thạc sĩ ngành đúng/ngành phù hợp (Nhóm 1)

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	TH, TN, TL
Phần kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành		10		
Các học phần bắt buộc		6		
	Thiết kế và phân tích nghiên cứu	2	2	0
	Phân tích định lượng trong kinh doanh	2	2	0
	Phương pháp nghiên cứu định tính trong kinh doanh	2	2	0
Các học phần lựa chọn		4/8		
	Kinh doanh số	2	2	0
	Hành vi tổ chức	2	2	0
	Quản trị doanh nghiệp toàn cầu	2	2	0
	Marketing đương đại	2	2	0
Nghiên cứu khoa học		10		
	Chuyên đề 1	2	2	
	Chuyên đề 2	2	2	
	Tiểu luận tổng quan lý thuyết	6	6	
Luận án tiến sĩ		10		
	Luận án	70	0	70
Tổng cộng:		90		

b) Đối với học viên có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành Quản trị Kinh doanh (Nhóm 2), học viên học bổ sung các học phần sau:

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	TH, TN, TL
2. Học viên có bằng Thạc sĩ chuyên ngành gần với ngành Quản trị Kinh doanh				
- (83402) Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm				
- 83403 Kế toán - Kiểm toán				
- (83404) Quản trị - Quản lý				
- (83490) Khác				

Các học phần học bổ sung trước khi học học phần bắt buộc và học phần tự chọn như Nhóm 1		12/16	12/16	0
Học 12/16 tín chỉ				
076185	Quản trị chiến lược	2	2	0
076808	Quản trị dự án đầu tư	2	2	0
076196	Quản trị nguồn nhân lực	2	2	0
076789	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2	1	1
076809	Quản trị Kinh doanh quốc tế	2	2	0
076806	Tài chính cho nhà quản trị	2	2	0
076183	Quản trị vận hành	2	2	0
076182	Quản trị Marketing	2	2	0

c) Đối với học viên có bằng thạc sĩ các ngành còn lại (không thuộc 02 nhóm trên), học viên học bổ sung các học phần sau:

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	TH, TN, TL
3.Ngành khác (nhóm 3): không thuộc 02 nhóm trên				
Các học phần học bổ sung trước khi học học phần bắt buộc và học phần tự chọn như Nhóm 1		20/37	20/37	0
Học 20/37 tín chỉ				
076185	Quản trị chiến lược	2	2	0
076808	Quản trị dự án đầu tư	2	2	0
076196	Quản trị nguồn nhân lực	2	2	0
076789	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2	1	1
076809	Quản trị Kinh doanh quốc tế	2	2	0
076806	Tài chính cho nhà quản trị	2	2	0
076183	Quản trị vận hành	2	2	0
076182	Quản trị Marketing	2	2	0
076188	Hệ thống thông tin quản lý	2	2	0
073944	Truyền thông Marketing tích hợp	2	1	1
076191	Quản trị rủi ro và thay đổi	2	2	0
076249	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	2	2	0
076193	Quản trị đàm phán	2	2	0
073935	Quản trị quan hệ khách hàng - CRM	2	1	1
073925	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	2	1
076186	Lãnh đạo – Leadership	3	3	0
076790	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	3	3	0

d) Đối với học viên có bằng cử nhân loại giỏi ngành đúng/ngành phù hợp: học viên bổ sung các học phần sau:

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	TH, TN, TL

Học viên có bằng cử nhân loại giỏi ngành đúng/ngành phù hợp				
Các học phần học bổ sung trước khi học học phần bắt buộc và học phần tự chọn như Nhóm 1		38/42	38/42	0
Học 38/42 tín chỉ các học phần trong khối kiến thức thuộc Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành QTKD.				
<i>Các học phần bắt buộc</i>				
073318	Triết học	3	3	0
076790	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	3	3	0
076182	Quản trị Marketing	2	2	0
076183	Quản trị vận hành	2	2	0
076196	Quản trị nguồn nhân lực	2	2	0
073925	Phương pháp NC trong KD	3	2	1
076806	Tài chính cho nhà quản trị	2	2	0
076185	Quản trị chiến lược	2	2	0
076186	Lãnh đạo	3	3	0
076188	Hệ thống thông tin quản lý	2	2	0
076809	Quản trị Kinh doanh quốc tế	2	2	0
073935	Quản trị quan hệ khách hàng	2	1	1
073944	Truyền thông Marketing tích hợp	2	1	1
076810	Hành vi tổ chức	2	2	0
076192	Kinh doanh số	2	2	0
076807	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1	1
<i>Các học phần tự chọn</i>				
076250	Quản trị các tổ chức công	2	2	0
076191	Quản trị rủi ro và sự thay đổi	2	2	0
076187	Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề	2	2	0
076808	Quản trị dự án đầu tư	2	2	0
076193	Quản trị đàm phán	2	2	0
076789	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2	1	1
076190	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2	0
076249	Nhà nước và pháp luật Việt Nam đương đại	2	2	0

5. Phân bố tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
Năm 1								
<i>Học phần bắt buộc</i>								
1		Thiết kế và phân tích nghiên cứu	2	30	0	70	Thuyết giảng, Thảo luận nhóm; Thuyết trình.	Dự án nghiên cứu (tiểu luận)

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
2		Phân tích định lượng trong kinh doanh	2	30	0	70	Thuyết giảng, Thảo luận nhóm; Thuyết trình.	Dự án nghiên cứu (tiểu luận)
3		Phương pháp nghiên cứu định tính trong kinh doanh	2	30	0	70	Thuyết giảng, Thảo luận nhóm; Thuyết trình.	Dự án nghiên cứu (tiểu luận)
Học phần tự chọn								
4		Kinh doanh số	2	30	0	70	Thuyết giảng, Thảo luận nhóm; Thuyết trình.	Tiểu luận cá nhân
5		Hành vi tổ chức	2	30	0	70	Thuyết giảng, Thảo luận nhóm; Thuyết trình.	Tiểu luận cá nhân
6		Quản trị doanh nghiệp toàn cầu	2	30	0	70	Thuyết giảng, Thảo luận nhóm; Thuyết trình.	Tiểu luận cá nhân
7		Marketing đương đại	2	30	0	70	Thuyết giảng, Thảo luận nhóm; Thuyết trình.	Tiểu luận cá nhân
Năm 2								
8		Tiểu luận tổng quan lý thuyết	6					Hội đồng đánh giá
9		Chuyên đề 1	2					Hội đồng đánh giá
10		Chuyên đề 2	2					Hội đồng

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
								đánh giá
Năm 3								
12		Đánh giá luận án cấp chuyên môn						Hội đồng đánh giá
13		Phản biện kín						Hội đồng đánh giá
13		Bảo vệ luận án cấp cơ sở	70					Hội đồng bảo vệ

6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

(Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra chương trình theo thang IPM)

I (Introduce): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs (Programme Performance Criteria) ở mức độ đơn giản.

P (Practice): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ trung bình.

M (Master): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ thành thạo.

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLO1 (K1)	PLO2 (K2)	PLO3 (K3)	PLO4 (S1)	PLO5 (S2)	PLO6 (S3)	PLO7 (A1)	PLO8 (A2)
CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC										
1		Phân tích và thiết kế nghiên cứu	M	I	P	P	I	P	P	P
2		Phân tích định lượng trong kinh doanh	M	I	P	P	I	P	P	P
3		Phương pháp NC định tính trong kinh doanh	M	I	P	P	I	P	P	P
4		Tiểu luận tổng quan lý thuyết	I	M	I	P	M	M	M	I
5		Chuyên đề 1	I	M	P	P	P	M	M	I
6		Chuyên đề 2	I	M	P	P	P	M	M	I
7		Luận án	P	P	M	M	M	M	M	M
CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN										
1		Kinh doanh số	P	P	I	I	P	I	I	P
2		Hành vi tổ chức	P	P	I	I	P	I	I	P
3		Quản trị doanh	P	P	I	I	P	I	I	P

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLO1 (K1)	PLO2 (K2)	PLO3 (K3)	PLO4 (S1)	PLO5 (S2)	PLO6 (S3)	PLO7 (A1)	PLO8 (A2)
		nghiệp toàn cầu								
4		Marketing đương đại	P	P	I	I	P	I	I	P

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Thiết kế và Phân tích Nghiên cứu (2TC)

Học phần Thiết kế và Phân tích Nghiên cứu tập trung vào việc giới thiệu kiến thức tổng quan cho NCS về phương pháp nghiên cứu khoa học, biết thiết kế các dự án nghiên cứu. Đặc biệt, chú trọng đến việc lựa chọn cách thiết kế có thể mang lại các kết quả nghiên cứu có giá trị tham khảo, phân tích các dữ liệu thu thập được và đưa ra các diễn giải có thể được chấp nhận, và đưa ra kết luận phù hợp dựa trên dữ liệu.

Học phần này cung cấp cho NCS cơ hội áp dụng các khái niệm và kỹ năng thực hiện nghiên cứu. Học phần cũng tập trung giới thiệu nội dung thiết kế nghiên cứu, giúp cho NCS biết sử dụng cả phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học. Học phần được thiết kế nhằm thu hút sự tham gia của vào việc lựa chọn và thực hiện phương pháp luận và công cụ phân tích thích hợp để thực hiện một nghiên cứu khoa học.

2. Phân tích định lượng trong kinh doanh (2TC)

Học phần giới thiệu tổng quan về phương pháp nghiên cứu, phân biệt nghiên cứu định tính và định lượng định hướng hàn lâm. Sau nội dung này, học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu định lượng áp dụng trong nghiên cứu hàn lâm và nghiên cứu ứng dụng. Các phương pháp quan trọng trong nghiên cứu định lượng như phân tích EFA, CFA, và phân tích mô hình đa biến (SEM). Một số kỹ thuật phân tích khác cũng được đề cập như phân tích T-test, ANOVA, phân tích cụm (Cluster) cũng được đề cập.

3. Phương pháp nghiên cứu định tính trong kinh doanh (2TC)

Học phần giới thiệu tổng quan về phương pháp nghiên cứu, phân biệt nghiên cứu định tính và định lượng định hướng hàn lâm. Sau nội dung này, học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu định tính áp dụng trong nghiên cứu hàn lâm và nghiên cứu ứng dụng. Các phương pháp quan trọng trong nghiên cứu định tính như ethnography (dân tộc học), netnography (dân tộc học trong thế giới mạng), grounded theory (lý thuyết nổi lên từ dữ liệu), action research (nghiên cứu hành động) sẽ được thảo luận, phân tích và thực hành qua các dự án nghiên cứu. Phần mềm QSRNVivo sẽ được áp dụng để phân tích các dự án có khối lượng dữ liệu định tính tương đối lớn liên quan đến dữ liệu phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm hoặc nội dung bình luận của cộng đồng mạng. Học phần sẽ giúp nghiên cứu sinh định hướng được chiến lược thực hiện đề tài của họ cũng như triển khai các dự án nghiên cứu định tính.

4. Hành vi tổ chức (2TC)

Học phần Hành vi tổ chức cung cấp cho người học kiến thức nâng cao một cách có hệ thống về bản chất của hành vi tổ chức. Cụ thể, học phần phân tích sâu ba cấp độ hành vi tổ chức như hành vi cá nhân (cảm nhận, thái độ, hành vi...), hành vi nhóm (giao tiếp, quyền lực, chính trị, sự lãnh đạo...) và hành vi tổ chức (văn hóa, sự thay đổi tổ chức, quản lý áp lực, xung đột và thương lượng...). Khối kiến thức này làm cơ sở các nhà quản trị trong quản trị nguồn nhân lực và điều hành tổ chức; bên cạnh đó còn cung cấp kiến thức nền tảng cho các học giả trong việc thiết kế và thực hiện các nghiên cứu hàn và ứng dụng trong khoa học hành vi. Cuối cùng, học phần Hành vi tổ chức còn đề cập đến các chuẩn mực ứng xử (tư cách, đạo đức, tác phong...) ở cấp độ cá nhân, nhóm và tổ chức trong môi trường công việc.

5. Marketing đương đại (2TC)

Học phần trang bị cho NCS những kiến thức chuyên sâu về hoạt động marketing trong kỷ nguyên mới hiện nay. Nội dung bao gồm các hoạt động marketing kỹ thuật số thời đại công nghiệp 4.0; Các hoạt động marketing trong lĩnh vực dịch vụ ở kỷ nguyên mới; Xây dựng và quản trị mối quan hệ khách hàng bền vững; xây dựng và phát triển thương hiệu tinh gọn thời đại công nghiệp 4.0

6. Kinh doanh số (2TC)

Thông qua những kiến thức cơ bản về kinh doanh số, học phần giúp nghiên cứu sinh (NCS) khám phá những thành phần của hệ thống kinh doanh số; phân tích đánh giá hệ thống kinh doanh từ đó hình thành chiến lược kinh doanh và chuyển đổi số xuyên suốt doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Dựa vào việc luận giải các nghiên cứu sẵn có và thực tiễn triển khai kinh doanh số tại Việt Nam và trên thế giới, NCS có được những kỹ năng phân tích, đánh giá, nghiên cứu và đưa ra các hàm ý/giải pháp giúp các doanh nghiệp phát triển hoạt động kinh doanh số một cách hiệu quả.

7. Quản trị doanh nghiệp toàn cầu (2TC)

Quản trị kinh doanh toàn cầu cung cấp kiến thức về cách thiết lập chiến lược toàn cầu hoá trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và cách quản trị vận hành của các tập đoàn đa quốc gia trong hoạt động thâm nhập thị trường quốc tế và nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành của Trường ĐH Tây Đô	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Ngân Hàng TPHCM	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Quốc Tế-ĐHQG TPHCM	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH West of England	CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Washington State	Nhận xét
Tổng TC	90 tín chỉ	90 tín chỉ	90 tín chỉ	96 tín chỉ	120 tín chỉ	72 tín chỉ	
Học phần cơ sở và cốt lõi ngành	5 học phần - 10 tín chỉ Bắt buộc: 3 HP (6TC) - Thiết kế và phân tích nghiên cứu (2TC) - Phân tích định lượng trong kinh doanh(2TC) - Phương pháp nghiên cứu định tính(2TC) Tự chọn: 4 HP (chọn 4/8TC) - Kinh doanh số(2TC) - Hành vi tổ chức(2TC) - Quản trị doanh nghiệp toàn cầu(2TC) - Marketing đường dài(2TC)	6 học phần- 16 tín chỉ Bắt buộc: - Phương pháp nghiên cứu định tính - Phân tích định lượng trong kinh doanh - Phương pháp nghiên cứu khoa học hỗn hợp - Thương hiệu và marketing chiến lược: các hướng nghiên cứu - Tiêu luận tổng quan - Chuyên đề 1 - Chuyên đề 2	3 học phần- 8 tín chỉ Bắt buộc: - Quản trị chiến lược đa quốc gia (3TC) - Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (3TC) Tự chọn: - Nghệ thuật lãnh đạo trong xu thế toàn cầu hóa(2TC) - Quản trị đổi mới và sáng tạo - Văn hóa công ty đa quốc gia(2TC) - Marketing đường dài(2TC) - Năng lực cạnh tranh trong xo thế hội nhập(2TC)	3 học phần- 8 tín chỉ Bắt buộc: - Quản trị chiến lược đa quốc gia (3TC) - Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (3TC) Tự chọn: - Nghệ thuật lãnh đạo trong xu thế toàn cầu hóa(2TC) - Quản trị đổi mới và sáng tạo - Văn hóa công ty đa quốc gia(2TC) - Marketing đường dài(2TC) - Năng lực cạnh tranh trong xo thế hội nhập(2TC)	2 module- 60 tín chỉ Bắt buộc: - Research principles and practice (30 TC) - Discovery: research methods (30 TC)	8 học phần-36 tín chỉ Bắt buộc: -Seminar in Entrepreneurship(2TC) -Seminar in Organizational Theory(2TC) -Seminar in Strategic Management(2TC) -Seminar in Organizational Behavior(2TC) -Seminar in Research Design—CCB Research Methods Seminar (3TC) -ANOVA(3TC) -Regression, Econometrics and Linear Models (3TC) -Psychometric Theory(3TC) - Multivariate Statistics or Categorical Data	Các học phần tương tự, nhưng khác nhau trong quy đổi số lượng tín chỉ

Học phần nghiên cứu khoa học	3 học phần- 10 tín chỉ Bắt buộc: 3 học phần- 10 tín chỉ -Tiêu luận tổng quan thuyết(6TC) -Chuyên đề 1(2TC) -Chuyên đề 2(2TC)	2 học phần- 4 tín chỉ Tự chọn: -Quản trị tri thức doanh nghiệp -Kinh tế đương đại -Quản trị nguồn nhân lực -Trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh -Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo -Thương mại điện tử	2 học phần- 12 tín chỉ Bắt buộc: -Các chuyên đề tiến sĩ(6TC) -Tiêu luận tổng quan (6TC)	-Seminar in Corporate Management Strategy (2TC) - Seminar in Strategic Management(2TC) -Seminar in Supply Chain Management (2TC) 9 tín chỉ Bắt buộc: - Special study1 (3TC) - Special study2(3TC) - Essay of literature review(3TC)	Analysis(3TC) - PhD seminar offered by management unit (12TC)	Các học phần tương tự, nhưng khác nhau trong quy đổi số lượng tín chỉ
Luận án tiến sĩ	70 tín chỉ	70 tín chỉ	70 tín chỉ	75 tín chỉ	60 Credits	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Đạy học trực tiếp; Đạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm; Đạy kỹ năng tư duy; Đạy học tương	Đạy học trực tiếp	Đạy học trực tiếp	Đạy học trực tiếp	Đạy học trực tiếp	Đạy học trực tiếp

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy:

Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Phương pháp giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Chiến lược giảng dạy và học tập cụ thể:

- **Dạy học trực tiếp:** các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Cách tiếp cận này thường được áp dụng khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới, thuyết giảng, tham luận và đặt các câu hỏi gợi mở...

- **Dạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm:** hoạt động dạy học khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành, khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo cách tiếp cận này được áp dụng gồm: các hoạt động thực tế; thảo luận...

- **Dạy kỹ năng tư duy:** Hoạt động dạy kỹ năng tư duy nhằm phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Cách tiếp cận này được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học thông qua các phương pháp như: nghiên cứu tình huống, phân tích giải quyết vấn đề...

- **Dạy học tương tác:** người học được tương tác với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Phương pháp tương tác thường được áp dụng như học nhóm, làm bài tập nhóm...

- **Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy:** Hoạt động dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được.

- **Hoạt động tự học:** người học tự định hướng, chủ động trong việc học, tự khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề, từ đó người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp này, học viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ

được giao ở nhà này, học viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Có 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

* *Đánh giá theo tiến trình*

Đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), đánh giá thuyết trình (Oral Presentation) và câu hỏi nhanh (Quiz).

* *Đánh giá tổng kết, định kỳ (giữa kỳ và cuối kỳ)*

Giữa kỳ: Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment), phân tích tình huống (Case study Analysis).

Cuối kỳ: Báo cáo (Written Exam), Tiểu luận (Essay), phân tích tình huống (Case study Analysis).

3. Thư viện, phòng lab và chương trình sử dụng có liên quan đến chương trình đào tạo:


- + Tài liệu in: sách tham khảo, giáo trình, tạp chí chuyên ngành và tài liệu tham khảo khác.
- + Tài liệu online: Các cơ sở dữ liệu quốc tế như ProQuest Central, Springer Link, IEEE Xplore, ScienceDirect, IG Publishing, Credo Reference, SAGE e-Journals Collection, Emerald e-Journals Collection,... Các cơ sở dữ liệu và liên kết mạng lưới thư viện trong nước: cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ quốc gia Việt Nam, Mạng lưới thông tin khoa học công nghệ Tp.HCM, Thư viện pháp luật Việt Nam...
- + Phòng máy tính thực hành – thư viện cơ sở An Phú Đông
- + Phần mềm SPSS, AMOS SEM, PLS SEM
- + Phần mềm kiểm tra trùng lặp Turnitin.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ai Cẩm

TRƯỞNG KHOA
(Ký tên và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Xuân Nhĩ